



Quản lý hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ từ 1-3 tuổi ở các trường mầm non tư thục thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương

Đỗ Thị Ánh

Trường Mầm non Thuận Giao, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương

THÔNG TIN BÀI BÁO

Quá trình xử lý:

Ngày nhận bài: 06/10/2024

Ngày nhận bản chỉnh sửa: 28/11/2024

Ngày nhận đăng: 29/11/2024

Ngày xuất bản: 20/12/2025

Từ khóa:

Quản lý

Chăm sóc

Nuôi dưỡng trẻ

Trường mầm non tư thục

TÓM TẮT

Hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ là nhiệm vụ quan trọng và mang tính cốt lõi của bậc học mầm non nhằm bảo vệ, tăng cường sức khỏe, đồng thời giúp trẻ phát triển toàn diện, hài hòa về thể chất và trí tuệ. Thực tiễn cho thấy, tại một số trường mầm non, hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ vẫn chưa được quan tâm đúng mức và không khoa học dẫn đến hiệu quả còn thấp. Nghiên cứu đã khảo sát 205 cán bộ quản lý, giáo viên tại 5 trường mầm non tư thục thuộc thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương và kết quả cho thấy mặc dù hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ đạt hiệu quả khá ở nhiều khía cạnh, nhưng vẫn còn tồn tại những hạn chế về quản lý nội dung, cơ sở vật chất và sự phối hợp với gia đình của trẻ. Từ thực trạng này bài viết đề xuất một số biện pháp quản lý nhằm nâng cao hiệu quả chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Giáo dục mầm non (GDMN) là bậc học đầu tiên của hệ thống giáo dục quốc dân, góp phần tạo ra những con người phát triển toàn diện, không chỉ có phẩm chất đạo đức và năng lực mà còn có sức khỏe tốt để sẵn sàng phục vụ đắc lực cho sự nghiệp công nghiệp hoá - hiện đại hoá đất nước. Điều 22, Luật Giáo dục khẳng định: “Mục tiêu của GDMN là giúp trẻ em phát triển về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ, hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách, chuẩn bị cho trẻ em vào học lớp một” (Quốc hội, 2019). Đánh giá tầm quan trọng của mục tiêu này, trong các văn bản về hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học hàng năm của Bộ GD&ĐT đều đề cao công tác chăm sóc, nuôi dưỡng trong các cơ sở GDMN. Tại văn bản số 3590/BGDĐT-GDMN ngày 15/9/2020 của Bộ GD&ĐT đã: “Chỉ đạo các cơ sở GDMN quản lý chặt chẽ chất lượng bữa ăn ở những nơi tổ chức cho trẻ ăn bán trú; sử dụng phần mềm tính khẩu phần ăn cho trẻ theo quy định phù hợp với thực tiễn. Tăng cường công tác xã hội hóa, huy động các nguồn lực để tăng tỷ lệ trẻ ăn bán trú tại trường, nâng cao chất lượng bữa ăn cho trẻ. Tiếp tục nhân rộng mô hình phòng chống suy dinh dưỡng cho trẻ. Thực hiện tốt các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm trong các cơ sở GDMN” (Bộ GD&ĐT, 2009).

Thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương là một trong những địa phương có tốc độ phát triển kinh tế nhanh, thu hút nhiều lao động nhập cư, kéo theo nhu cầu lớn về dịch vụ giáo dục mầm non, các trường mầm non tư thục ngày càng phát triển. Tuy nhiên, trong quá trình hoạt động, nhiều trường mầm non tư thục tại TP Thuận An gặp phải thách thức trong việc quản lý hoạt động CS-ND trẻ. Các vấn đề về cơ sở vật chất, năng lực chuyên môn của đội ngũ giáo viên, sự phối hợp giữa nhà trường và phụ huynh, cùng công tác kiểm tra, giám sát chưa đáp ứng được yêu cầu thực tế. Do đó, việc nghiên cứu, đánh giá thực trạng và đề xuất các biện pháp quản lý nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động CS-ND trẻ tại các trường mầm non tư thục trên địa bàn thành phố Thuận An là cần thiết.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu đã tiến hành khảo sát 205 cán bộ quản lý và giáo viên tại 5 trường mầm non tư thục thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương (Trường mầm non Thuận Giao; Trường mầm non Đại Phước; Trường mầm non Non Phụng Hồng; Trường mầm non Ánh Bình Minh; Trường mầm non Thanh Nhã).

Phương pháp nghiên cứu chủ đạo là điều tra thông qua bảng hỏi và có sự hỗ trợ của phương pháp phỏng vấn. Nội dung khảo sát tập trung vào quản lý hoạt động CS-ND trẻ ở các trường mầm non tư thục thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương. Phiếu khảo sát được đánh giá ở hai khía cạnh là mức độ thực hiện và mức độ hiệu quả của các nội dung quản lý hoạt động CS-ND trẻ được xây dựng với 5 mức độ, trong đó điểm thấp nhất là 1, điểm cao nhất là 5. Giá trị khoảng cách = (Maximum - Minimum)/n = (5 - 1)/5 = 0,8. Theo đó, thang đo khoảng theo giá trị ĐTB được quy ước như sau: 1,00 - 1,80 (Không bao giờ/ Kém); 1,81 - 2,60 (Hiếm khi/ Yếu); 2,61 - 3,40 (Thỉnh thoảng/ Trung bình); 3,41 - 4,20 (Thường xuyên/ Khá); 4,21 - 5,00 (Rất thường xuyên/ Tốt).

Phiếu sau khi thu thập đã tiến hành soát, sau đó nhập dữ liệu trên phần mềm xử lý số liệu SPSS phiên bản 20.0. Hai thông số thống kê cơ bản được sử dụng trong đánh giá thực trạng của vấn đề nghiên cứu là: điểm trung bình và độ lệch chuẩn.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Thực trạng quản lý mục tiêu hoạt động chăm sóc nuôi dưỡng trẻ từ 1- 3 tuổi ở các trường mầm non tư thục

Bảng 1. Đánh giá của CBQL, GV về thực trạng quản lý mục tiêu hoạt động CS, ND trẻ 1 - 3 tuổi

TT	Nội dung	Mức độ thực hiện		Hiệu quả thực hiện	
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
1	QL chỉ đạo việc bám sát mục tiêu CS ND trẻ 1-3 của CBGV trong việc thực hiện các kế hoạch năm học, kế hoạch tháng, tuần, xây dựng các hoạt động học, giáo dục kỹ năng sống, các hoạt động khác	3.90	0.41	3.52	0.62
2	Tổ chức các lớp tập huấn, các buổi chuyên đề, hội thảo để triển khai mục tiêu CS -ND trẻ 1-3 tuổi cho CB, GV, NV	3.62	0.71	4.25	0.76
3	QL chỉ đạo việc kiểm tra đánh giá mức độ phù hợp với mục tiêu CS-ND trẻ 1-3 tuổi trong việc thực hiện các kế hoạch năm, tháng, tuần, việc thực hiện các hoạt động hàng ngày trong công tác CS -ND trẻ 1- 3 tuổi.	4.25	0.73	4.20	0.95
4	QL chỉ đạo công tác tuyên truyền mục tiêu CS- ND trẻ 1- 3 tuổi cho CMT học sinh bằng nhiều hình thức.	4.27	0.75	3.91	0.44

Ghi chú: ĐTB: Điểm trung bình: $1 \leq \text{ĐTB} \leq 5$; ĐLC: Độ lệch chuẩn

Dựa trên bảng số liệu 1 về thực trạng quản lý mục tiêu CS-ND trẻ từ 1 đến 3 tuổi tại các trường mầm non tư thục, mức độ thực hiện các mục tiêu dao động từ 3,62 đến 4,27. Điều này cho thấy các mục tiêu CSND được thực hiện khá thường xuyên, tuy nhiên vẫn tồn tại sự chênh lệch về mức độ thực hiện giữa các nội dung. Kết quả phân tích chỉ ra rằng, mặc dù công tác CS-ND đã có nhiều nỗ lực, nhưng vẫn cần cải thiện ở một số khía cạnh, chẳng hạn như tăng cường cơ sở vật chất và trang thiết bị. Nội dung “Quản lý chỉ đạo công tác tuyên truyền mục tiêu CSND trẻ 1-3 tuổi đến cha mẹ trẻ (CMT) bằng nhiều hình thức” được thực hiện với mức độ cao nhất (ĐTB = 4,27), nhưng kết quả đạt được chỉ ở mức 3,91, cho thấy có sự chênh lệch giữa mức độ thực hiện và hiệu quả thực hiện. Khi trao đổi với hiệu trưởng (HT2), người nghiên cứu ghi nhận rằng nhà trường đã tích cực tuyên truyền đến CMT các nội dung như: tình hình sức khỏe của trẻ, vệ sinh phòng bệnh, chăm sóc sức khỏe, thông qua các kênh như trang điện tử chính thức, bảng tin của trường, bảng tuyên truyền tại lớp và các nhóm trực tuyến của từng lớp. Tuy nhiên, không phải CMT nào cũng dành thời gian để theo dõi những thông tin này. Quan sát thực tế tại khu vực trường và lớp học cho thấy, dù trước cửa phòng học của các lớp đều có bảng tuyên truyền, nhưng phần lớn CMT chỉ đón con tại cổng trường, ít khi vào lớp để tiếp cận thông tin. Đây là một trong những nguyên nhân khiến hiệu quả tuyên truyền chưa đạt mức mong muốn.

Đối với nội dung “Tổ chức các lớp tập huấn, buổi chuyên đề, hội thảo triển khai mục tiêu CSND trẻ 1-3 tuổi cho cán bộ, giáo viên, nhân viên (CB, GV, NV)”, mức độ thực hiện đạt ĐTB = 3,62, nhưng kết quả thực hiện lại đạt mức cao hơn, với ĐTB = 4,25. Điều này cho thấy các lớp tập huấn và hội thảo chuyên đề đã mang lại hiệu quả rõ rệt trong việc nâng cao năng lực của đội ngũ CB, GV, NV.

3.2. Thực trạng quản lý nội dung hoạt động chăm sóc nuôi dưỡng trẻ từ 1-3 tuổi ở các trường mầm non tư thục

Bảng 2. Đánh giá của CBQL, GV về thực trạng quản lý nội dung hoạt động chăm sóc và nuôi dưỡng trẻ 1 - 3 tuổi

TT	Nội dung	Mức độ thực hiện		Hiệu quả thực hiện	
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
1	Tổ chức các buổi tập huấn chuyên môn, chuyên đề về nội dung hoạt động CS và ND trẻ 1-3 tuổi ở trường MN	3.87	0.47	3.51	0.75
2	QL chỉ đạo việc xây dựng kế hoạch nội dung hoạt động CS- ND trẻ 1-3 tuổi theo kế hoạch phù hợp	3.82	1.03	4.09	0.73
3	QL việc thực hiện nội dung hoạt động CS- ND trẻ 1-3 tuổi trong trường MN theo đúng nội dung quy định của Bộ GD-ĐT đã đề ra	4.34	0.68	3.80	0.59
4	Chỉ đạo thực hiện tốt chế độ kiểm tra định kỳ, đột xuất tất cả hoạt động CS và ND trẻ 1-3 tuổi	3.83	0.64	3.95	1.01
5	Quản lý lưu trữ hồ sơ theo dõi sức khỏe trẻ 1-3 tuổi, thông báo định kỳ và khi cần thiết về tình hình sức khỏe của trẻ cho CMT	4.25	0.81	3.55	0.70
6	QL chỉ đạo việc thực hiện hồ sơ sổ sách, soạn giáo án bám sát nội dung hoạt động CS và ND trẻ 1-3 tuổi	3.40	0.61	4.15	0.83

Ghi chú: ĐTB: Điểm trung bình: $1 \leq \text{ĐTB} \leq 5$; ĐLC: Độ lệch chuẩn

Kết quả bảng khảo sát 2 cho thấy thực trạng quản lý các nội dung hoạt động CS-ND trẻ tại các trường mầm non tư thục được thực hiện ở mức tương đối thường xuyên, với điểm trung bình dao động từ 3,40 đến 4,34. Nội dung “Quản lý việc thực hiện các hoạt động CSND trẻ 1-3 tuổi trong trường mầm non theo đúng quy định của Bộ GD-ĐT” đạt điểm trung bình cao nhất (ĐTB = 4,34, ĐLC = 0,68). Việc thực hiện đúng nội dung chương trình theo quy định của Bộ GD-ĐT được coi là kim chỉ nam cho mọi hoạt động tại trường. Thông thường, vào đầu năm học, các trường sẽ căn cứ vào khung chương trình và kế hoạch giáo dục của Bộ để xây dựng kế hoạch cụ thể cho từng đơn vị. Nội dung “Quản lý lưu trữ hồ sơ theo dõi sức khỏe trẻ 1-3 tuổi, thông báo định kỳ và khi cần thiết về tình hình sức khỏe của trẻ đến cha mẹ trẻ (CMT)” đạt ĐTB = 4,25 (ĐLC = 0,81). Việc theo dõi sức khỏe của trẻ được thực hiện thường xuyên thông qua nhiều hình thức và được lưu trữ dưới dạng hồ sơ, văn bản, như: sổ theo dõi sức khỏe, sổ nhóm lớp. Đây là nhiệm vụ quan trọng của giáo viên nhằm kịp thời thông báo đến phụ huynh tình trạng sức khỏe của trẻ, nhất là trong những trường hợp cần thiết. Việc quản lý hồ sơ lưu trữ không chỉ được thực hiện hàng năm mà còn là tiêu chí quan trọng trong việc đánh giá và xếp loại giáo viên; Chỉ đạo thực hiện tốt chế độ kiểm tra định kỳ, đột xuất các hoạt động CSND trẻ 1-3 tuổi” có điểm trung bình thấp hơn (ĐTB = 3,83, ĐLC = 0,64). Một cán bộ quản lý chia sẻ rằng tại các trường mầm non tư thục, việc thực hiện chế độ kiểm tra định kỳ và đột xuất còn gặp khó khăn do thiếu giáo viên, sự biến động nhân sự liên tục, và tâm lý tránh tạo thêm áp lực cho đội ngũ giáo viên. Do đó, công tác kiểm tra chủ yếu được thực hiện thông qua các đợt kiểm tra của phòng hoặc sở giáo dục.

Về hiệu quả thực hiện, các tiêu chí khảo sát có điểm trung bình dao động từ 3,51 đến 4,15, tương ứng với mức độ trung bình và khá. Nội dung “Quản lý chỉ đạo việc xây dựng kế hoạch các hoạt động CSND trẻ 1-3 tuổi phù hợp” (ĐTB = 4,09) và “Quản lý chỉ đạo việc thực hiện hồ sơ sổ sách, soạn giáo án bám sát nội dung CSND trẻ 1-3 tuổi” (ĐTB = 4,15) được đánh giá ở mức khá.

Tóm lại, việc thực hiện các nội dung CSND trẻ tại các trường mầm non tư thục chưa đạt mức tốt ở tất cả các nội dung. Nguyên nhân có thể xuất phát từ nhận thức và kỹ năng chăm sóc - nuôi dưỡng của giáo viên còn hạn chế. Do đó, việc triển khai các biện pháp nâng cao nhận thức và năng lực chăm sóc - nuôi dưỡng trẻ 1-3 tuổi cho giáo viên tại các trường mầm non là rất cần thiết.

3.3. Thực trạng quản lý các lực lượng tham gia hoạt động chăm sóc nuôi dưỡng trẻ từ 1-3 tuổi ở các trường mầm non tư thục

Kết quả khảo sát thực trạng quản lý các lực lượng tham gia hoạt động chăm sóc và nuôi dưỡng trẻ 1-3 tuổi ở các trường mầm non tư thục trình bày ở bảng 3 cho thấy: công tác phối hợp giữa các lực lượng tham gia được quản lý rõ ràng, chặt chẽ, mức độ thực hiện chủ yếu là thường xuyên với ĐTB từ 3.46 đến 4.19 kết quả đạt được ĐTB từ 3.96 đến 4.10 tương ứng mức khá và trung bình. Trong đó nội dung “Xây dựng kế hoạch phân công phân nhiệm rõ ràng nhiệm vụ cho từng GV, NV, từng bộ phận trong công tác CS, ND trẻ 1-3 tuổi” được thực hiện ở mức độ thường xuyên nhất. Bên cạnh đó nhà trường đã xác định nội dung phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong CS-ND trẻ cũng như xây dựng kế hoạch hoạt động phối hợp với gia đình

về nội dung này. Thông qua hội nghị CM trẻ, hiệu trưởng lấy ý kiến của CM trẻ nhằm hoàn chỉnh nội dung hoạt động phối hợp. Nội dung “Tổ chức cho GV, NV phối hợp cùng tham gia đóng góp ý kiến vào việc xây dựng kế hoạch CS ND trẻ 1-3 tuổi của nhà trường” được đánh giá khá ở tiêu chí mức độ thực hiện (ĐTB= 4.09, ĐLC = 0.84) lần kết quả thực hiện (ĐTB=4.06, ĐLC= 0.88). Về nội dung “Xây dựng những tiêu chí cụ thể đánh giá cho từng nhiệm vụ của các bộ phận, cá nhân” (ĐTB= 3.71, ĐLC =0.60), nguyên nhân là do các trường ít xây dựng các tiêu chí cụ thể cho từng nội dung, nhiệm vụ mà chủ yếu dựa vào tiêu chí đánh giá chung của phòng, sở để áp dụng vào quá trình đánh giá. Điều này cũng gây ra nhiều khó khăn cho công tác quản lý, vì vậy cần có những thay đổi trong quá trình kiểm tra đánh giá từ khâu xây dựng tiêu chí, cách thức tổ chức kiểm tra đánh giá.

Bảng 3. Đánh giá của CBQL, GV về thực trạng quản lý các lực lượng tham gia hoạt động chăm sóc và nuôi dưỡng trẻ 1-3 tuổi

TT	Nội dung	Mức độ thực hiện		Hiệu quả thực hiện	
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
1	Chỉ đạo đội ngũ GV, NV phối kết hợp, hỗ trợ lẫn nhau trong công tác CS và ND trẻ.	3.82	1.04	3.96	0.86
2	Xây dựng kế hoạch phân công phân nhiệm rõ ràng nhiệm vụ cho từng GV, NV, từng bộ phận trong công tác CS, ND trẻ 1-3 tuổi	4.19	0.84	4.08	0.73
3	Tổ chức kiểm tra chéo giữa các bộ phận trong nhà trường để giám sát lẫn nhau cùng thực hiện tốt công tác CS, ND trẻ 1-3 tuổi	3.46	0.81	4.10	0.81
4	Xây dựng những tiêu chí cụ thể đánh giá cho từng nhiệm vụ của các bộ phận, cá nhân	3.71	0.60	4.05	0.78
5	Xây dựng bầu không khí bình đẳng đoàn kết, tạo điều kiện khuyến khích mọi người cùng làm việc, học tập, giúp đỡ lẫn nhau.	4.00	0.94	3.91	0.88
6	Tổ chức cho GV, NV phối hợp cùng tham gia đóng góp ý kiến vào việc xây dựng kế hoạch CS ND trẻ 1-3 tuổi của nhà trường	4.09	0.84	4.06	0.88

Ghi chú: ĐTB: Điểm trung bình: $1 \leq \text{ĐTB} \leq 5$; ĐLC: Độ lệch chuẩn

3.4. Thực trạng quản lý các điều kiện hỗ trợ hoạt động chăm sóc nuôi dưỡng trẻ từ 1-3 tuổi ở các trường mầm non tư thục

Bảng 4. Đánh giá của cán bộ CBQL, GV về thực trạng các điều kiện hỗ trợ hoạt động CS, ND trẻ 1 - 3 tuổi

TT	Nội dung	Mức độ thực hiện		Hiệu quả thực hiện	
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
1	Xây dựng đội ngũ CBGV, NV đủ trình độ năng lực, tâm huyết với nghề, quản lý công tác bồi dưỡng và tự bồi dưỡng để nâng cao trình độ nhận thức, trình độ chuyên môn	3.85	0.53	3.83	0.53
2	Đầu tư CSVC phục vụ công tác chăm sóc và nuôi dưỡng, đảm bảo đầy đủ trang thiết bị phục vụ hoạt động học, vui chơi, ăn, ngủ, vệ sinh. đảm bảo an toàn về phòng bệnh cho trẻ sinh hoạt trong ngày	4.21	0.75	4.20	0.76
3	Quản lý việc lên thực đơn, thực đơn phong phú, đa dạng các món ăn. Đảm bảo dinh dưỡng, phù hợp với thời tiết để kích thích hấp dẫn trẻ	3.57	0.67	4.01	0.85
4	Quản lý chỉ đạo tổ chức công tác tuyên truyền kiến thức chăm sóc, nuôi dạy trẻ cho cha mẹ học sinh	4.24	0.75	4.08	0.94

Ghi chú: ĐTB: Điểm trung bình: $1 \leq \text{ĐTB} \leq 5$; ĐLC: Độ lệch chuẩn

Để khảo sát thực trạng các điều kiện hỗ trợ hoạt động CS-ND trẻ 1-3 tuổi, người nghiên cứu đưa ra 4 nội dung cơ bản và tiến hành khảo sát trên hai đối tượng CBQL và GV, kết quả khảo sát tại bảng 4 cho thấy, nội dung quản lý các điều kiện hỗ trợ hoạt động CS-ND trẻ 1-3 tuổi ở các trường mầm non tư thục được CBQL, GV đánh giá mức độ thực hiện “thường xuyên” và hiệu quả đạt được ở mức “Khá”. ĐTB mức độ thực hiện các tiêu chí cụ thể của nội dung quản lý các điều kiện hỗ trợ hoạt động CS-ND trẻ có sự dao động ĐTB từ 3.57 đến 4.24. Trong đó, nội dung “Quản lý chỉ đạo tổ chức công tác tuyên truyền kiến thức chăm sóc, nuôi dạy trẻ cho cha mẹ học sinh” đánh giá ở mức cao nhất, thường xuyên được nhà trường thực hiện (ĐTB = 4.24). “Đầu tư CSVC phục vụ công tác chăm sóc và nuôi dưỡng, đảm bảo đầy đủ trang thiết bị phục vụ hoạt động học, vui chơi, ăn, ngủ, vệ sinh. đảm bảo an toàn về phòng bệnh cho trẻ sinh hoạt trong ngày” (ĐTB = 4.21). CSVC, đồ dùng, trang thiết bị là những điều kiện quan trọng để nâng cao chất lượng giáo dục trẻ ở

trường mầm non nói chung; nâng cao chất lượng CS-ND trẻ 1-3 tuổi nói riêng. Do đó các trường chú trọng đầu tư, mua sắm, bổ sung những điều kiện cần thiết phục vụ hoạt động học tập, vui chơi giải trí của trẻ tại trường. Các tiêu chí còn lại: “Xây dựng đội ngũ CBGV, NV đủ trình độ năng lực, tâm huyết với nghề, quản lý công tác bồi dưỡng và tự bồi dưỡng để nâng cao trình độ nhận thức, trình độ chuyên môn”; Tiêu chí “Quản lý việc lên thực đơn, thực đơn phong phú, đa dạng các món ăn. Đảm bảo dinh dưỡng, phù hợp với thời tiết để kích thích hấp dẫn trẻ” được đánh giá mức độ “tương đối thường xuyên” thực hiện.

Có thể nói rằng các điều kiện hỗ trợ hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non được nhà trường quan tâm đúng mức. Hầu hết các tiêu chí đều được đánh giá ở mức khá tốt, nhất là các điều kiện hỗ trợ nhằm đảm bảo an toàn vệ sinh, như nguồn nước sạch, hệ thống bếp khép kín,... Đây cũng là một trong những nội dung mà các nhà trường thực hiện đạt được hiệu quả tốt nhất, do vậy cần phát huy hơn nữa trong thời gian tới

3.5. Thực trạng kiểm tra, đánh giá kết quả hoạt động chăm sóc nuôi dưỡng trẻ từ 1-3 tuổi ở các trường mầm non tư thực

Bảng 5. Đánh giá của CBQL, GV về thực trạng kiểm tra đánh giá hoạt động chăm sóc và nuôi dưỡng trẻ 1 - 3 tuổi

TT	Nội dung	Mức độ thực hiện		Hiệu quả thực hiện	
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
1	Quản lý kiểm tra số lượng trẻ hàng ngày, khi có sự thay đổi phải tìm hiểu nguyên nhân và hướng xử lý kịp thời	4.08	0.81	4.02	0.80
2	Đề ra và chỉ đạo GV thực hiện nghiêm túc các quy định về quản lý trẻ, nhằm đảm bảo trẻ đi học chuyên cần	3.83	0.45	3.49	0.53
3	Quản lý chỉ đạo, giám sát kiểm tra việc xây dựng thực đơn, tính khẩu phần ăn và quy trình thực hiện.	3.56	0.50	3.83	0.43
4	Quản lý chặt chẽ, thường xuyên kiểm tra giám sát các khâu tại bếp.	3.47	0.56	3.84	0.39
5	Kiểm tra định kỳ, đột xuất, ở tất cả các khâu như: giao nhận thực phẩm, tính khẩu phần ăn, quy trình chế biến thức ăn, quy chế tổ chức giờ ăn, giờ ngủ, vệ sinh cho trẻ 1-3 tuổi	3.66	0.71	3.82	0.43

Ghi chú: ĐTB: Điểm trung bình: $1 \leq \text{ĐTB} \leq 5$; ĐLC: Độ lệch chuẩn

Khảo sát thực trạng quản lý kiểm tra, đánh giá hoạt động CS-ND trẻ 1-3 tuổi tại các trường mầm non tư thực tại bảng 5 cho thấy mức độ thực hiện được đánh giá từ tương đối thường xuyên đến thường xuyên (ĐTB = 3,07 đến 4,08), và kết quả thực hiện dao động từ 3,49 đến 4,02. Tiêu chí được đánh giá ở mức “thường xuyên” là “Quản lý kiểm tra số lượng trẻ hàng ngày, khi có thay đổi phải tìm hiểu nguyên nhân và xử lý kịp thời” (ĐTB = 4,08), với kết quả đạt ĐTB = 4,02. Điều này cho thấy hiệu trưởng tại các trường mầm non tư thực đặc biệt quan tâm đến việc xây dựng tiêu chí kiểm tra, đánh giá và thực hiện kiểm tra đột xuất nhằm đảm bảo tính chính xác, khách quan. Đây là hoạt động mang lại hiệu quả cao trong công tác quản lý. Tuy nhiên, các tiêu chí như: “Đề ra và chỉ đạo giáo viên thực hiện nghiêm túc quy định về quản lý trẻ nhằm đảm bảo trẻ đi học chuyên cần”; “Quản lý, chỉ đạo, giám sát việc xây dựng thực đơn, tính khẩu phần ăn và quy trình thực hiện”; “Kiểm tra thường xuyên, giám sát các khâu tại bếp”; “Kiểm tra định kỳ và đột xuất các khâu như giao nhận thực phẩm, chế biến, tổ chức giờ ăn, giờ ngủ và vệ sinh cho trẻ” được đánh giá ở mức “tương đối thường xuyên” với hiệu quả chỉ ở mức trung bình. Đây đều là các nội dung quan trọng, cần thực hiện nghiêm túc và chính xác. Việc quản lý các nội dung này không chỉ đảm bảo chất lượng mà còn tạo ra tiêu chuẩn rõ ràng để các cá nhân liên quan thực hiện đúng mục tiêu đề ra. Đồng thời, sự giám sát thường xuyên sẽ giúp quá trình này khách quan hơn.

Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng công tác kiểm tra, đánh giá tại các trường mầm non tư thực còn đa dạng nhưng thiếu đồng bộ. Điều này đòi hỏi phải có sự chú trọng hơn trong việc đề xuất các biện pháp cải thiện nhằm nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động CS-ND trẻ 1-3 tuổi.

4. KẾT LUẬN

Nghiên cứu đã làm rõ thực trạng quản lý công tác CS-ND trẻ từ 1-3 tuổi tại các trường mầm non tư thực trên địa bàn thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương. Kết quả chỉ ra rằng, mặc dù các trường đã có sự nỗ lực trong việc triển khai các hoạt động quản lý, song vẫn tồn tại những hạn chế nhất định, đặc biệt ở các khía cạnh cơ sở vật chất, kỹ năng của đội ngũ giáo viên và hiệu quả phối hợp giữa nhà trường với phụ huynh. Mức độ thực hiện các nội dung chăm sóc và nuôi dưỡng trẻ nhìn chung đạt mức khá và hiệu quả thực hiện

còn chưa đồng đều. Từ những kết quả này, nghiên cứu khẳng định tính cần thiết của việc triển khai các biện pháp quản lý hiệu quả hơn, tập trung vào tăng cường bồi dưỡng năng lực giáo viên, cải thiện cơ sở vật chất và đẩy mạnh sự phối hợp giữa nhà trường và phụ huynh. Những đề xuất từ nghiên cứu không chỉ góp phần nâng cao chất lượng giáo dục mầm non tại Thuận An mà còn cung cấp cơ sở thực tiễn quan trọng để hoạch định chính sách quản lý trong lĩnh vực này trên quy mô rộng hơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2009). *Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25/7/2009 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT về Ban hành Chương trình giáo dục mầm non*. Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2020). *Công văn số 3590/BGDĐT-GDMN ngày 15/09/2020 về việc Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học 2020-2021 đối với giáo dục mầm non*. Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Quốc Hội Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam. (2019). *Luật số 43/2019/QH14, Luật Giáo dục ban hành ngày 14 tháng 6 năm 2019*. Hà Nội.

Management of care and nurturing activities for children aged 1-3 in private kindergartens in Thuan An city, Binh Duong province

Do Thi Anh

Thuan Giao Kindergarten, Thuan An City, Binh Duong Province

ARTICLE INFO

Article history:

Received 06 October 2024

Received in revised form 28 November 2024

Accepted 29 November 2024

Published 20 December 2025

Keywords:

Management

Childcare and Nurturing

Private Preschools

Corresponding author:

Do Thi Anh

E-mail address:

anh1401@outlook.com

ABSTRACT

Childcare and nurturing activities are essential and core tasks of preschool education, aiming to protect and enhance children's health while fostering their comprehensive and harmonious physical and intellectual development. In practice, childcare and nurturing activities in some preschools have not been given proper attention or implemented scientifically, leading to limited effectiveness. This study surveyed 205 administrators and teachers from five private preschools in Thuận An City, Bình Dương Province. The results indicate that while childcare and nurturing activities have achieved considerable effectiveness in many aspects, there remain limitations in managing content, facilities, and collaboration with children's families. Based on these findings, the article proposes several management measures to improve the effectiveness of childcare and nurturing activities.